

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**CÔNG TY TNHH NN MTV  
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG  
MSDN 3300100201**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166.../BC-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Giá trị thực hiện năm 2020
<b>1</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu sản xuất</b>			
1.1	Trồng rừng	Ha	280,0	253,9
1.2	Khai thác rừng	Ha	231,2	278,0
	Rừng trồng kinh tế	Ha	220,0	231,17
	Rừng trồng dự án 661	Ha	11,2	13,8
	Rừng từ GPMB	Ha		33,1
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	728,0	707,6
1.4	Cây giống lâm nghiệp		8.000.000,0	8.692.500,0
	Cây keo lai hom	Cây	3.000.000	1.700.000
	Cây keo lai mô	Cây	2.000.000	1.150.000
	Cây mầm keo lai mô	Cây	3.000.000	5.842.500
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...			
	Hoa lan	Cây	10.000	10.000
	Cây bán địa, trầm gió	Cây	200.000	375.000
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (bao gồm rừng phòng hộ, đặc dụng)	Ha	4.918,9	4.799,6
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>35.150,0</b>	<b>35.587,0</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.501,0</b>	<b>10.931,0</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>9.403,0</b>	<b>10.041,0</b>
<b>6</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.332,0</b>	<b>5.033,0</b>
	Trong đó: Thuế TNDN	Tr.đồng	1.098,0	890,0
<b>7</b>	<b>Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích</b>			
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.913,9	1.911,1
<b>8</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>Người</b>	<b>94</b>	<b>94</b>
<b>9</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	<b>Tr.đồng</b>		
a)	Quỹ lương quản lý	Tr.đồng	972,0	1.090,4
b)	Quỹ lương lao động	Tr.đồng	9.160,2	9.534,6

**Thuận lợi**

- Tập thể CBCNV – LD đoàn kết, thống nhất.
- Lực lượng lao động có trình độ, kinh nghiệm.
- Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan chức năng trong công tác quản lý BVR, đất rừng.

**Khó khăn**

- Sản xuất lâm nghiệp luôn tiềm ẩn các rủi ro, thách thức do diễn biến của thời tiết, khí hậu, thị trường, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác.
- + Ảnh hưởng dịch Covid nên hoạt động SXKD của Công ty gặp khó khăn hơn các năm trước trong khai thác rừng, sản xuất cây giống.
- + Thiên tai bão lũ nhiều hơn các năm, mưa lạnh kéo dài ảnh hưởng lớn đến chất lượng rừng, hư hỏng đường lâm sinh, thiệt hại về cây giống sản xuất; chi phí trồng rừng tăng.
- Nhiều chi phí phát sinh trong quản lý bảo vệ rừng do diễn biến thời tiết bất lợi (nắng nóng, mưa bão...).

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

**BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác Vốn góp của NLD (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Doanh nghiệp không đầu tư các dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

**III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY**

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% VĐL

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
Doanh nghiệp không có công ty con										

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh TT Huế (đề b/c);
- Công thông tin doanh nghiệp - Bộ KH & ĐT;
- Công thông tin điện tử tỉnh TT Huế;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

*Bòn Thát Ai Tín*